

ĐỊNH HÌNH NĂNG LỰC ĐẠI HỌC TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA VÀ SÁNG TẠO: TỪ KHUNG ĐÁNH GIÁ QUỐC TẾ ĐẾN HÀM Ý CHO VIỆT NAM

Phạm Quỳnh Phương^{1*}, Phan Quang Anh², Đào Mạnh Đạt³
^{1,2,3}Trường Khoa học Liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội
*Email: quynh.phuong@vnu.edu.vn

/Ngày nhận bài: **25/10/2025** /Ngày nhận bài sửa sau phản biện: **28/11/2025** /Ngày chấp nhận đăng: **01/12/2025**

TÓM TẮT

Bài viết phân tích vai trò chiến lược của giáo dục đại học trong việc phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp văn hoá và sáng tạo (CNVH&ST), một lĩnh vực đang trở thành động lực tăng trưởng bền vững và đổi mới xã hội. Trên cơ sở tổng quan lý luận và các mô hình quốc tế, bài viết đề xuất một khung đánh giá năng lực đào tạo đại học với ba nhóm tiêu chí chính: (1) khả năng tích hợp liên ngành và đổi mới chương trình học; (2) kết nối hiệu quả với hệ sinh thái sáng tạo; và (3) khả năng phát triển tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên. Bài viết đồng thời phân tích thực trạng đào tạo CNVH&ST tại Việt Nam, chỉ ra những thách thức về cấu trúc chương trình, phương pháp giảng dạy, năng lực giảng viên, cơ sở vật chất và sự liên kết với thị trường sáng tạo. Từ đó bài viết đưa ra các hàm ý chính sách nhằm tái cấu trúc hệ thống giáo dục theo hướng đổi mới, mở và linh hoạt, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế sáng tạo trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Công nghiệp văn hóa và sáng tạo, giáo dục đại học, đào tạo liên ngành, khởi nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái sáng tạo

SHAPING UNIVERSITY COMPETENCIES IN TRAINING HUMAN RESOURCES FOR THE CULTURAL AND CREATIVE INDUSTRIES: FROM INTERNATIONAL ASSESSMENT FRAMEWORKS TO IMPLICATIONS FOR VIETNAM

ABSTRACT

This article analyzes the strategic role of higher education in developing human resources for the Cultural and Creative Industries (CCI), a sector increasingly regarded as a driver of sustainable growth and social innovation. Drawing on international theoretical frameworks and global best practices, the study proposes an evaluative competency framework comprising three core dimensions: (i) interdisciplinary integration and curricular innovation; (ii) effective engagement with the creative ecosystem; and (iii) the cultivation of creative thinking and an entrepreneurial mindset among students. The paper also examines the current state of CCI-oriented training in Vietnamese universities, identifying major challenges related to curriculum structure, pedagogy, faculty capacity, infrastructure, and industry linkages. Based on these findings, it offers policy implications for restructuring Vietnam's higher education system toward a more open, adaptive, and innovation-driven model aligned with the demands of the creative economy in the digital era.

Keywords: Cultural and creative industries; higher education; interdisciplinary training; creative entrepreneurship; creative ecosystem

1. MỞ ĐẦU

Trong kỷ nguyên kinh tế tri thức và chuyển đổi số, công nghiệp văn hóa và sáng tạo ngày càng được nhìn nhận như một trụ cột quan trọng trong nền kinh tế sáng tạo toàn cầu (UNCTAD 2018, 2024), và là nguồn động lực thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương (Dellisanti 2023). Với đặc trưng đặt ý tưởng sáng tạo làm trung tâm, nền kinh tế này tạo ra những sản phẩm mang giá trị thẩm mỹ, học thuật, nghệ thuật, văn hóa độc đáo, đồng thời thúc đẩy phát minh khoa học và đổi mới công nghệ (Howkins, 2002; Florida, 2002; Potts, 2012). Bên cạnh vai trò thúc đẩy

tăng trưởng kinh tế địa phương, kinh tế sáng tạo còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về một hệ sinh thái giáo dục linh hoạt, nơi trường đại học đóng vai trò hạt nhân trong việc bồi dưỡng năng lực sáng tạo, tư duy phản biện, và khả năng thích ứng với thị trường đang chuyển dịch nhanh chóng. Mặt khác, giáo dục đại học không chỉ là trung tâm tri thức mà còn là nền tảng cho sự phát triển bền vững của các ngành CNVH&ST (Salvado & Communion 2024). Với tính chất liên ngành, đa dạng và phụ thuộc vào bối cảnh địa phương, các ngành CNVH&ST đòi hỏi sự tích hợp sâu giữa đào tạo, nghiên cứu và thực tiễn. Khái niệm

“đại học sáng tạo” (creative university) vì thế cũng xuất hiện như một mô hình mới trong cách các cơ sở giáo dục đại học định vị lại vai trò của mình. Trong mô hình này, các yếu tố như hạ tầng kỹ thuật số phục vụ giảng dạy - học tập - nghiên cứu, tư duy sở hữu trí tuệ, sự kết nối mạng lưới, phát triển sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp trở thành những tiêu chí cốt lõi để đánh giá năng lực thích ứng và đổi mới của đại học trong thời kỳ hậu công nghiệp (Besley và Peters 2013).

Tại Việt Nam, với sự ban hành của *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa* đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Quyết định 1755/QĐ-TTg), cũng như Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về *đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, các trường đại học cũng đang đứng trước những cơ hội mới. Tuy nhiên câu hỏi đặt ra là hệ thống giáo dục đại học đã thực sự chuẩn bị đầy đủ cho sinh viên bước vào thị trường lao động của nền kinh tế sáng tạo? Giáo dục đại học Việt Nam đang gặp thách thức gì trong việc đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành CNVH&ST? Dựa trên việc khảo sát tài liệu về giáo dục đào tạo quốc tế và khảo sát chương trình đào tạo của một số trường đại học ở Việt Nam, bài viết này chỉ ra việc cần thiết cần định vị lại một cách chiến lược vai trò và năng lực của các trường đại học trong hệ sinh thái CNVHST, cũng như sự cần thiết xây dựng một khung lý luận để đánh giá hiệu quả đào tạo đại học đối với ngành CNVH&ST. Bài viết mở đầu bằng việc phân tích vai trò của đại học và sự cần thiết phải tái định hình năng lực trường đại học, những chuyển đổi cần thiết về tư duy đào tạo, cũng như mô hình đánh giá tính hiệu quả, từ đó, chỉ ra những hàm ý chuyển đổi cho đào tạo đại học hiện nay ở Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại học trong thời đại sáng tạo: vị trí, vai trò và yêu cầu tái định hình

Hơn hai thập kỷ qua đã chứng kiến “kinh tế sáng tạo” trở thành từ khóa chiến lược trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia. Từ khái niệm ban đầu về “creative industries” (công nghiệp sáng tạo) do Vương quốc Anh khởi xướng vào cuối thập niên 1990, lĩnh vực này đã nhanh chóng được mở rộng thành một hệ sinh thái phát triển dựa trên tri thức, công nghệ và văn hoá - nơi sáng tạo được xem là nguồn lực cạnh tranh quốc gia. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF 2020), đến năm 2030, các kỹ năng cốt lõi của lực lượng lao động toàn cầu sẽ là tư duy phân biệt, sáng tạo, hợp tác và giải quyết vấn đề. Đại học do đó cũng cần được tái định vị như một chủ thể sáng tạo - nơi kết nối tri thức, công nghệ và xã hội để dẫn dắt đổi mới.

Trên thế giới, nhiều trường đại học đã chuyển mình

manh mẽ để trở thành *hạ tầng tri thức và không gian sáng tạo*. Ở Anh, các trường như Goldsmiths, University of the Arts London, hay Westminster không chỉ đào tạo nghệ thuật - thiết kế mà còn vận hành studio sáng tạo, phòng triển lãm, festival, và trung tâm khởi nghiệp ngay trong khuôn viên (Comunian và cộng sự, 2015). Ở Singapore, các trường như NTU hay Lasalle College of the Arts được Nhà nước xác định là “trụ cột trong chiến lược kinh tế sáng tạo”, với mô hình tích hợp giáo dục - thực hành - khởi nghiệp sáng tạo cùng cơ chế tài chính hỗ trợ (Kong & O'Connor, 2009). Tại Bắc Âu, các trường nghệ thuật và thiết kế như Aalto University (Phần Lan) hay Royal Danish Academy được xem là “vườn ươm sáng tạo công”, được tài trợ dài hạn để kết nối với doanh nghiệp xã hội, tổ chức festival khu vực và tham gia quy hoạch đô thị (Hauge và cộng sự, 2018). Tại Australia, đại học ngày nay không chỉ đơn thuần là cơ sở đào tạo, mà còn là một phần cấu thành của “hạ tầng sáng tạo” (creative infrastructure), góp phần hình thành và điều hướng nền kinh tế sáng tạo. Sự thay đổi về chính sách khiến cho các khoá học về CNVH&ST ngày càng phổ biến trên toàn đất nước (Flew 2019). Mặt khác, nhiều trường đại học trên thế giới đã và đang triển khai các chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học liên quan đến lĩnh vực này. Các chương trình này không chỉ xuất hiện ở các quốc gia có nền giáo dục phát triển như châu Âu và Bắc Mỹ, mà còn lan rộng tới các nước đang phát triển ở châu Phi và châu Á. Dù tên gọi khác nhau, điểm chung của chúng là tập trung vào việc kết hợp giữa kiến thức về văn hóa, nghệ thuật, sáng tạo và kinh doanh, phản ánh sự thay đổi vai trò của đại học trong kỷ nguyên kinh tế sáng tạo.

Thực tế đó cho thấy đào tạo không phải là chức năng duy nhất mà các trường đại học đảm nhiệm. Đại học đã và đang trở thành tác nhân chủ động kiến tạo hệ sinh thái sáng tạo, không chỉ đào tạo nhân lực mà còn sản xuất tri thức, ươm mầm ý tưởng và định hình chính sách công. Thay vì chỉ tập trung vào truyền đạt tri thức chuyên môn theo mô hình tuyến tính (input-output), các trường đại học ngày nay trở thành một phần tích cực trong hệ sinh thái sáng tạo - nơi tri thức được đồng kiến tạo (co-created knowledge), gắn với thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa ở cấp độ địa phương, quốc gia và toàn cầu (Etzkowitz & Leydesdorff, 2000; Cunningham & Swift, 2019). Theo Comunian và Gilmore (2015), mối quan hệ giữa đại học và công nghiệp sáng tạo là một mạng lưới mở, nơi dòng chảy tri thức diễn ra hai chiều: từ nhà trường ra xã hội thông qua nghiên cứu, giảng dạy, dự án cộng đồng; và ngược lại, từ doanh nghiệp, nghệ sĩ và công chúng quay trở lại giảng đường, làm giàu nội dung học thuật. Đây được xem là một mô hình hệ sinh thái mà giáo dục không kết thúc ở cổng trường đại học, mà

GIÁO DỤC - EDUCATION

mở rộng thành môi trường học tập liên tục, gắn liền với đời sống và thực hành sáng tạo. Ví dụ như mô hình tại nước Anh:



Các thành tố trong mối quan hệ giữa giáo dục đại học và kinh tế sáng tạo (Comunian và Gilmore, 2015)

Mô hình sơ đồ hoá trên của Comunian và Gilmore (2015) cho thấy một trong những đóng góp cơ bản nhất của các trường đại học đối với nền kinh tế sáng tạo là phát triển nguồn nhân lực sáng tạo. Một yếu tố quan trọng khác trong mô hình này là “cộng đồng” - bao gồm cả cộng đồng thực hành (communities of practice) và cộng đồng lợi ích, các nhóm có sự gắn kết bởi mối quan tâm chung về một lĩnh vực cụ thể. Các cộng đồng như vậy đặc biệt phù hợp với ngành công nghiệp sáng tạo vì chúng tạo ra mạng lưới hỗ trợ tri thức và kinh nghiệm giữa những người làm chuyên môn. Khởi nghiệp - nghệ thuật cũng là một thành tố không thể thiếu trong mô hình này, thường được xác định là các tổ chức phi lợi nhuận hoặc được tài trợ công, và đóng vai trò là đối tác chính của các trường đại học. Bên cạnh đó, chính sách công là yếu tố then chốt có ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa giáo dục đại học và nền kinh tế sáng tạo, dù ảnh hưởng này thường gián tiếp. Chính sách công có vai trò điều tiết các chương trình giáo dục đại học, định hình khung tài trợ và định hướng các can thiệp tái tạo địa phương. Cuối cùng, các can thiệp tái tạo địa phương - một môi trường quan trọng yếu của chính sách công - cũng thể hiện rõ sự liên kết giữa trường đại học và nền kinh tế sáng tạo.

Như vậy, nhìn tổng thể trong bối cảnh CNVH&ST, các trường đại học phải đóng ít nhất ba vai trò chiến lược: *Thứ nhất, là nhà thiết kế chương trình đào tạo liên ngành, hay đơn vị kiến tạo nội dung* nhằm phát triển các kỹ năng lai ghép (hybrid skills) và năng lực sáng tạo - phân biệt cho sinh viên. Trong đó, chương trình đào tạo và nghiên cứu phải sát với các xu hướng công nghệ, thị trường và nhu cầu xã hội; *Thứ hai, là tác nhân trung gian kết nối với ngành nghề và các cộng đồng sáng tạo*, đóng vai trò cầu nối tri thức -

thực tiễn, thiết lập các mối liên kết hợp tác bền vững với ngành nghề, nghệ sĩ, doanh nghiệp sáng tạo và cộng đồng địa phương, từ đó tạo ra các nền tảng đồng kiến tạo tri thức; *Thứ ba, là không gian đổi mới xã hội và văn hóa*, nơi sinh viên, giảng viên và cộng đồng cùng tham gia kiến tạo những ý tưởng, sản phẩm và giá trị mang ý nghĩa xã hội. Trường đại học không còn là “tháp ngà” khép kín, mà phải trở thành không gian mở để thử nghiệm và lan tỏa các ý tưởng văn hóa mới, khuyến khích tinh thần phê phán, nhận thức và năng lực hành động sáng tạo vì lợi ích xã hội.

Để đáp ứng được nhu cầu từ CNVH&ST, các nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra phương thức đào tạo đại học cần thoát khỏi định hướng thuần kỹ thuật và chuyển sang các phương pháp phát triển năng lực sáng tạo và tư duy hệ thống (Bridgstock, 2013). Điều này bao gồm một số định hướng như: *chuyển từ đào tạo “theo ngành” sang đào tạo “liên ngành”*, bởi việc phân mảnh kiến thức theo các ngành học truyền thống không còn phù hợp với bối cảnh CNVH&ST, nơi các lĩnh vực như nghệ thuật, công nghệ số, truyền thông, thiết kế, và quản trị luôn giao thoa và tác động lẫn nhau (Cunningham & Swift, 2010). Phương pháp đào tạo cũng nên được chuyển từ “*giáo trình hóa*” sang “*dự án hóa*”, chương trình được thiết kế theo hướng học tập qua dự án (project-based learning), học qua thực hành (experiential learning) và hợp tác liên tác nhân (co-creation with industry). Sinh viên cần được học thông qua việc tham gia vào các dự án thực tế với sự tham gia của nghệ sĩ, doanh nghiệp, tổ chức văn hóa và cộng đồng địa phương (Carey & Matlay, 2010). Hơn nữa, cũng cần *thay đổi quan điểm đào tạo “có điểm đến rõ ràng” sang hỗ trợ “hành trình nghề nghiệp mở”*. Trong khi các mô hình giáo dục truyền thống nhấn mạnh vào việc chuẩn bị cho một nghề nghiệp nhất định, CNVH&ST đòi hỏi sinh viên phát triển năng lực tự học suốt đời và thiết kế con đường nghề nghiệp của riêng mình, bao gồm cả làm freelancer, khởi nghiệp, hoặc hoạt động trong môi trường nghề nghiệp linh hoạt và không ổn định (Oakley, 2009; Gill & Pratt, 2008).

Từ góc nhìn này, có thể khẳng định rằng nhiệm vụ của giáo dục đại học trong thời đại sáng tạo không chỉ là đào tạo ra “người làm việc,” mà là đào tạo “người kiến tạo” - những cá nhân có khả năng thiết kế giải pháp sáng tạo, và tham gia tích cực vào việc hình thành một xã hội bền vững, bao trùm và giàu bản sắc văn hoá (Bridgstock 2013). Bridgstock (2013) cũng đã đề xuất một khung năng lực mới cho đào tạo trong lĩnh vực sáng tạo, kết hợp giữa “*tính có khả năng tuyển dụng*”, “*tư duy sáng tạo*” và “*tinh thần doanh nhân*”, bao gồm khả năng định hình bản sắc nghề nghiệp cá nhân, kỹ năng xây dựng mạng lưới chuyên môn, năng lực phát triển các dự án độc lập cũng như tư duy chiến lược trong đổi mới mô hình giá trị.

GIÁO DỤC - EDUCATION

Đề đo lường và đánh giá mức độ hiệu quả của một trường đại học trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực và đổi mới cho CNVH&ST, có thể đặt ra một số tiêu chí sau (xem thêm Banks & O'Connor, 2020; Gill & Pratt, 2008):

Tiêu chí	Mô tả năng lực cần có
Tính liên ngành	Có khả năng thiết kế chương trình học kết nối giữa văn hoá-nghệ thuật – kinh tế - công nghệ – quản trị.
Tính linh hoạt và thích ứng	Cập nhật nhanh các xu hướng mới trong công nghiệp sáng tạo (AI, nội dung số, metaverse, v.v.).
Kết nối ngành nghề và cộng đồng	Có mạng lưới đối tác với doanh nghiệp sáng tạo, nghệ sĩ, tổ chức văn hóa, và cơ quan quản lý nhà nước.
Năng lực đổi mới chương trình	Có cơ chế cải tiến giáo trình định kỳ, có sự tham gia của giảng viên kiêm nhiệm từ thực tiễn ngành.
Hỗ trợ phát triển năng lực sáng tạo	Môi trường học tập hỗ trợ kỹ năng tư duy phân biện, tư duy thiết kế, khởi nghiệp văn hóa, làm việc nhóm.
Đóng góp văn hoá - xã hội	Tham gia vào các dự án cộng đồng, nghiên cứu ứng dụng, hoặc tạo tác phẩm/công trình có ảnh hưởng xã hội.

Như vậy, có thể tạm quy vào ba nhóm tiêu chí đánh giá năng lực đào tạo đại học trong lĩnh vực CNVH&ST bao gồm: (1) khả năng tích hợp liên ngành và đổi mới chương trình học một cách linh hoạt, gắn với kỹ năng kỹ thuật số - tư duy sáng tạo - năng lực kinh doanh - hiểu biết văn hoá; (2) kết nối hiệu quả với hệ sinh thái sáng tạo và đóng góp cho xã hội; và (3) khả năng phát triển tư duy sáng tạo và khởi nghiệp cho sinh viên. Những năng lực này sẽ giúp cho đại học định vị lại vai trò của mình trong nền kinh tế sáng tạo hiện nay.

2.2. Thách thức và hàm ý đổi mới cho đào tạo đại học ở Việt Nam hiện nay

Trong chiến lược quốc gia về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu hình thành đội ngũ nhân lực có trình độ cao và năng lực sáng tạo, có thể vận hành hiệu quả trong môi trường liên ngành và số. Để đạt được mục tiêu này, đại học không thể chỉ đóng vai trò “cung cấp lao động,” mà cần trở thành trung tâm phát triển tài năng, môi trường kích thích sáng tạo, và câu nói chiến lược giữa tri thức, công nghệ, nghệ thuật và cộng đồng. Tuy vậy, thực tế cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế để đại học đáp ứng được đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chiến lược phát triển công nghiệp văn hoá (Phạm Quỳnh Phương, 2024).

Cho tới nay, nhiều trường đại học tại Việt Nam đã có các chương trình đào tạo liên quan đến CNVH&ST. Khảo sát chương trình đào tạo của một số trường như Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (với các lĩnh vực về quản lý văn hóa, du lịch), Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Học viện Múa Quốc gia (âm nhạc và nghệ thuật biểu diễn), Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh (các lĩnh vực sân khấu điện ảnh), Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam (các lĩnh vực hội họa, điêu khắc), Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp (đồ họa, thiết kế và tạo dáng công nghiệp), Trường Đại học Kiến

trúc (nghệ thuật kiến trúc), Trường Đại học Mở Hà Nội (thiết kế, kiến trúc, du lịch), Trường Đại học FPT Uni (Thiết kế và công nghệ thông tin), Trường Đại học Nghệ thuật Đại học Huế (Mỹ thuật, âm nhạc, biểu diễn), Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh (Các lĩnh vực văn hóa), Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương (với các lĩnh vực quản lý văn hoá và nghệ thuật, thiết kế); Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật (Đại học Quốc gia Hà Nội) (với các lĩnh vực về công nghiệp văn hoá, quản lý giải trí sự kiện, nghệ thuật thị giác, thiết kế sáng tạo)..vv, cho thấy những nỗ lực đổi mới của các trường trong việc xây dựng nhiều chương trình đào tạo mới, cũng như thay đổi phương thức giảng dạy gắn nhiều hơn với thực tiễn. Các nghiên cứu gần đây cho thấy rằng việc đổi mới phương pháp sư phạm theo hướng học tập thông qua dự án, hợp tác nhóm và giải quyết vấn đề thực tiễn có tác động tích cực đến năng lực sáng tạo và tinh thần chủ động của sinh viên (Đặng và Dương, 2018; Trương và Nguyễn, 2024). Mô hình này đặc biệt phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp của các ngành công nghiệp sáng tạo vốn đòi hỏi tính linh hoạt, khả năng tự tổ chức và làm việc theo dự án ngắn hạn.

Tuy nhiên, phần lớn các chương trình hiện nay vẫn xây dựng theo mô hình ngành học truyền thống, với cấu trúc đơn ngành, thiếu tính liên ngành, và ít tích hợp các kỹ năng mới mà các ngành CNVH&ST yêu cầu, như: tư duy thiết kế (design thinking), kinh tế sáng tạo, khả năng sử dụng công nghệ số, phân tích dữ liệu người dùng, quản lý nội dung số (content management), hoặc phát triển sản phẩm sáng tạo theo chuỗi giá trị. Mặt khác, phương pháp giảng dạy tại nhiều trường vẫn thiên về truyền đạt tri thức một chiều, thiếu các mô hình học tập tương tác, hợp tác, hoặc khai thác công nghệ mới trong giảng dạy (AI, VR/AR, công cụ sáng tạo số). Trong khi đó, không gian sáng tạo như xưởng thiết kế, studio đa phương tiện, phòng lab nghệ thuật - công nghệ... gắn với lĩnh vực CNVH&ST còn hạn chế về số lượng và chất lượng, không thuận lợi cho việc thúc đẩy thực hành và thử nghiệm sáng tạo của sinh viên.

Đặc trưng liên ngành của các lĩnh vực CNVH&ST - vốn kết hợp giữa văn hoá nghệ thuật, công nghệ, kinh doanh, luật và chính sách - các chương trình đào tạo *cần phá vỡ các ranh giới ngành học truyền thống*. Việc tích hợp các học phần từ nhiều lĩnh vực khác nhau như kỹ thuật số, quản trị, tâm lý học và nghiên cứu văn hóa sẽ giúp sinh viên phát triển tư duy hệ thống và khả năng làm việc trong các bối cảnh hợp tác đa ngành. Ở Việt Nam, việc tổ chức chương trình học tích hợp theo cách này còn hiếm cũng một phần do sự tách biệt về tổ chức khoa/phòng, phân khác do thiếu giảng viên có kinh nghiệm làm việc trong ngành. Giảng viên ngành CNVH&ST hiện nay chủ yếu đến từ các lĩnh vực truyền thống (nghệ thuật, văn

hoá học, quản lý...) và chưa có nhiều người được đào tạo chuyên sâu hoặc có trải nghiệm làm việc trong hệ sinh thái sáng tạo hiện đại. Số lượng giảng viên kiêm nhiệm từ ngành nghề thực tiễn còn ít. Thêm vào đó, tài nguyên học thuật (giáo trình, tài liệu số, dữ liệu ngành) phục vụ đào tạo còn thiếu và chưa được chuẩn hoá hoặc cập nhật theo hướng toàn cầu hoá - số hoá.

Một trụ cột thiết yếu khác trong quá trình tái thiết đào tạo là *phát triển tư duy khởi nghiệp sáng tạo*, được hiểu không chỉ là khả năng lập doanh nghiệp mà còn là năng lực tư duy độc lập, nhạy bén trong việc nhận diện cơ hội và chuyển hóa các ý tưởng văn hóa thành giá trị cụ thể - có thể là giá trị kinh tế, văn hóa hoặc xã hội. Trong bối cảnh nền kinh tế sáng tạo nơi phần lớn các nhà sáng tạo hoạt động tự do như freelancer, tự làm chủ hoặc khởi nghiệp theo từng dự án, tư duy này trở nên đặc biệt quan trọng (Gill và Pratt, 2008). Các chương trình khởi nghiệp sáng tạo và kết nối doanh nghiệp trong các lĩnh vực truyền thông, nội dung số, thiết kế, game, âm nhạc, thời trang... đã xuất hiện như những mô hình giáo dục ứng dụng mới, phản ánh sự thay đổi bước đầu trong tư duy đào tạo đại học gắn với thực tiễn ngành nghề. Tuy vậy, nhìn chung đào tạo đại học còn thiếu liên kết với thị trường lao động và cộng đồng sáng tạo, chưa kết nối hiệu quả với doanh nghiệp, nghệ sĩ, tổ chức văn hoá hoặc cộng đồng thực hành sáng tạo. Sinh viên ít có cơ hội tham gia các dự án thực tế, làm việc trong studio sáng tạo, hoặc trải nghiệm môi trường doanh nghiệp. Sự thiếu vắng của cơ chế thực tập sáng tạo (creative placement) và vẫn còn chưa phổ biến các hình thức học tập dựa trên dự án (project-based learning) trong đào tạo đại học.

Một điều cần khẳng định là mọi nỗ lực cải cách đại học sẽ khó đạt hiệu quả nếu không đi kèm với *sự hỗ trợ từ khung chính sách vĩ mô*. Việc mở rộng quyền tự chủ học thuật và thể chế cho các trường đại học là điều kiện cần để các cơ sở này có thể thiết kế chương trình linh hoạt, hợp tác với bên ngoài và điều chỉnh nhanh chóng trước những thay đổi của thị trường sáng tạo. Theo Nguyễn Anh Quang (2024), trong bối cảnh của xã hội 5.0, đại học cần được tổ chức lại như một hệ thống mở, kết nối và có khả năng thích ứng - điều này chỉ có thể đạt được khi các chính sách quản trị đại học được cải cách theo hướng phân quyền và minh bạch hóa. Trên cơ sở đó, việc thí điểm các mô hình “đại học đổi mới sáng tạo” tại một số trường đại học có thể mạnh về nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế và công nghệ nên được xem là bước đi chiến lược. Thí điểm này sẽ cho phép xây dựng các mô hình thực nghiệm về cách tổ chức chương trình, hợp tác ngành - viện - doanh nghiệp, và kết nối cộng đồng, từ đó tạo tiền đề để mở rộng chính sách và tái cấu trúc hệ thống giáo dục đại học Việt Nam theo hướng tương thích với nền kinh tế sáng tạo.

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu chuyển mình mạnh mẽ theo hướng đổi mới sáng tạo và số hóa, mối quan hệ giữa giáo dục đại học và CNVH&ST đang trở thành một trục kết nối chiến lược không thể thiếu đối với sự phát triển bền vững của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Vai trò của đại học đang dần được tái định vị, vượt ra khỏi khuôn khổ truyền thống của một thiết chế đào tạo đơn thuần để trở thành một tác nhân trung tâm trong hệ sinh thái sáng tạo - nơi tri thức, văn hóa và công nghệ hội tụ và lan tỏa giá trị. Năng lực của một trường đại học đào tạo hiệu quả trong lĩnh vực CNVH&ST cần được đánh giá dựa trên khả năng tổ chức chương trình đào tạo liên ngành và cập nhật với thực tiễn, có mức độ gắn kết với hệ sinh thái sáng tạo, với doanh nghiệp sáng tạo, không gian sáng tạo, viện nghiên cứu, cộng đồng nghệ sĩ và chính quyền văn hóa địa phương, tạo điều kiện để sinh viên thực tập, làm việc theo dự án, hoặc tham gia các chương trình hợp tác đổi mới, bên cạnh việc tổ chức các không gian học tập sáng tạo như studio, lab nghệ thuật, incubator văn hóa. Tiêu chí quan trọng nữa là giáo dục đại học phải phát huy được năng lực phát triển tư duy sáng tạo, năng lực khởi nghiệp và công dân văn hóa. Nội dung chương trình phải thiết kế có những học phần hoặc chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tư duy thiết kế, và năng lực quản trị văn hóa; khuyến khích sinh viên phát triển dự án cá nhân có giá trị xã hội - văn hóa, không chỉ giá trị thương mại. Đặc biệt, thông qua đào tạo, sinh viên trở thành “công dân sáng tạo” (creative citizens) có ý thức về vai trò xã hội của sáng tạo.

Việc xây dựng năng lực đổi mới sáng tạo trong trường đại học cần được triển khai toàn diện trên nhiều phương diện: từ thiết kế chương trình học tích hợp liên ngành, phương pháp giảng dạy dựa trên trải nghiệm, đến phát triển tư duy khởi nghiệp văn hóa và tạo dựng mạng lưới hợp tác giữa nhà trường, ngành công nghiệp và cộng đồng địa phương. Những chuyển dịch này phản ánh nhận thức mới về vai trò của tri thức - không chỉ để truyền đạt mà còn để tạo sinh, kết nối và tái tạo - phù hợp với đặc thù của nền kinh tế sáng tạo, nơi các giá trị văn hóa và biểu tượng ngày càng có ảnh hưởng lớn đến năng suất và cấu trúc kinh tế.

Để hiện thực hóa những tiềm năng đó, chính sách giáo dục và văn hóa cần đóng vai trò dẫn đường. Mở rộng quyền tự chủ học thuật, cải cách thể chế quản trị, đầu tư vào hạ tầng đổi mới sáng tạo và công nhận vai trò then chốt của đại học trong hệ sinh thái công nghiệp sáng tạo là những tiền đề bắt buộc. Đồng thời, việc thúc đẩy các mô hình đại học đổi mới sáng tạo - với vai trò là không gian trung gian (intermediary space) kết nối giữa nghệ sĩ, doanh nghiệp, cộng đồng và nhà nước - sẽ là động lực cốt lõi để kiến tạo đổi mới mang tính bền vững.

Tại Việt Nam, vấn đề đặt ra không chỉ nằm ở việc thiết kế các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường, mà sâu xa hơn, là khả năng hình thành những không gian sáng tạo thực sự có khả năng nuôi dưỡng tư duy phê phán, sự đồng cảm và khả năng thích ứng trong một thế giới đầy bất định. Đại học cần trở thành nơi dẫn dắt hành trình học tập sáng tạo - nơi sinh viên không bị quy định bởi đầu ra cứng nhắc mà được khuyến khích kiến tạo con đường nghề nghiệp riêng biệt dựa trên năng lực, giá trị và khát vọng cá nhân.

Sự kết nối giữa đại học và công nghiệp sáng tạo, do đó, không chỉ là chiến lược phát triển nguồn nhân lực, mà còn là một hình thức đầu tư xã hội mang tầm dài hạn. Để mối quan hệ này trở nên hiệu quả và có tính chuyên hóa, cần một tầm nhìn chính sách dài hạn, lấy sáng tạo làm nền tảng - không chỉ trong nghệ thuật, mà trong cả cách tổ chức giáo dục, định hình cộng đồng và phát triển quốc gia. Việt Nam đang đứng trước cơ hội để thực hiện điều đó, nếu biết tận dụng sức mạnh tri thức, năng lực văn hóa và tinh thần đổi mới của giáo dục đại học.

CHÚ THÍCH

Nghiên cứu này được tài trợ bởi nhiệm vụ khoa học quốc gia (Mã số QG23.56) của Đại học Quốc gia Hà Nội

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Banks, M., & O'Connor, J. (2020).** *A Plague upon Your Howling: Art and Culture in the Viral Emergency.* **Cultural Trends**, 30(7), 1-16.
- Besley, Tina & Peters, Michael (2013).** *The Creative University.* In *Re-imagining the Creative University for the 21st Century* (tr..3-26)
- Bridgstock, R. (2013).** *Not a dirty word: Arts entrepreneurship and higher education.* **Arts & Humanities in Higher Education**, 12(2-3), 122-137.
<https://doi.org/10.1177/1474022212465725>
- Carey, C., & Matlay, H. (2010).** *Creative disciplines education: A model for assessing ideas in entrepreneurship education?* **Education + Training**, 52, 694-709.
- Comunian, R., & Gilmore, A. (2015).** *Beyond the Creative Campus: Reflections on the evolving relationship between higher education and the creative economy,* King's College London.
- Dellisanti, R. (2023).** *Cultural and Creative Industries and Regional Development: Creativity Where and Why.* Springer.
- Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (2000).** *The dynamics of innovation: from National Systems and "Mode 2" to a Triple Helix of university-industry-government relations.* **Research Policy**, 29(2), 109-123.
- Flew, Terry. (2019).** *From policy to curriculum: drivers of the growth in creative industries courses in the UK and Australia.* **Creative Industrial Journal**, volume 12, issue 2, tr.167-184
- Gill, R., & Pratt, A. (2008).** *In the social factory? Immaterial labour, precariousness and cultural work.* **Theory, Culture & Society**, 25(7-8), 1-30.
- Hauge, E. S., Pinheiro, R. M., & Zyzak, B. (2018).** *Knowledge bases and regional development: Collaborations between higher education and cultural creative industries.* **International Journal of Cultural Policy**, 24(4), 485-503.
- Kong, L., & O'Connor, J. (2009),** *Creative Economies, Creative Cities: Asian European Perspectives,* Springer.
- Florida, R. (2002).** *The Rise of the Creative Class.* Basic Books.
- Howkins, John (2002),** *The creative economy- How people make money from ideas,* London: Penguin
- Salvado, Elisa & Communian, R (2024).** "Why and how higher education is so important for cultural and creative industries' sustainable development?". **Industry and Higher Education**, volume 38, issue 1.
- Potts, Jason (2012).** *Creative industries and innovation in a knowledge economy.* **Handbook on the knowledge economy.** Edited by David Rooney, Greg Hearn, and Tim Kastelle. Cheltenham, United Kingdom: Edward Elgar Publishing.193-203
- Phạm Quỳnh Phương. (2024).** *Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực các ngành công nghiệp văn hoá - sáng tạo.* **Tạp chí Tuyên giáo**, số 6, tr.57-60
- UNCTAD. (2018).** *Creative Economy Outlook: Trends in international trade in creative industries,* United Nations Conference on Trade and Development.